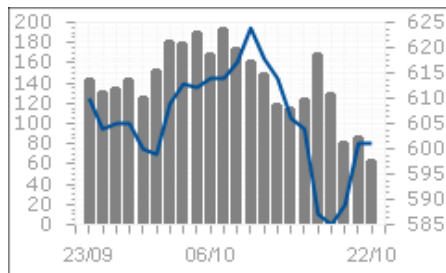


HOSE

22/10/2014

VNINDEX	601.59	1.05	0.17%
KLGD	101,804,136	CP	
GTGD	1,876.03	Tỷ	
GTR NDTNN	33.78	Tỷ	
CP Tăng giá	147	CP	
CP Giảm giá	72	CP	
CP Đứng giá	85	CP	



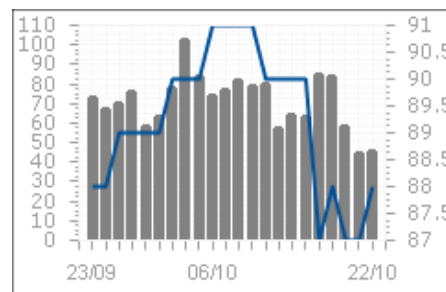
Tâm điểm

- ▶ **Tăng điểm nhẹ cùng sự gia tăng của thanh khoản**
- ▶ **Thị trường giao dịch khá cầm chừng**
Khối ngoại đã ngừng bán ròng
- ▶ **Niềm tin tiêu dùng Việt Nam tiếp tục giảm trong tháng 10**
Sự sụt giảm chỉ số chứng khoán ảnh hưởng lớn tới chỉ số niềm tin tiêu dùng Việt Nam
Gafin
- ▶ **CPI tháng 10 tại TP.HCM giảm**
CPI TP HCM giảm nhẹ sau khi tháng 9 tăng mạnh
VnEconomy
- ▶ **Vàng tăng trước kỳ vọng vào gói kích thích từ ECB**
Giá vàng tăng liên tục trước kỳ vọng từ gói kích thích của ECB
DVO
- ▶ **VNS: Lãi 9 tháng Công ty mẹ đạt gần 231 tỷ đồng, sắp hoàn thành kế hoạch năm**
Lợi nhuận sau thuế gần 231 tỷ giúp VNS hoàn thành 92% kế hoạch của Công ty mẹ
Gafin
- ▶ **SBA: Lãi 9 tháng bằng 59% kế hoạch, nợ ngắn hạn gấp đôi tài sản ngắn hạn**
Khả năng thanh toán SBA sụt giảm đáng kể do nợ ngắn hạn tăng
Vietstock

HNX

22/10/2014

HNXINDEX	88.50	1.51	1.73%
KLGD	65,361,703	CP	
GTGD	859.08	Tỷ	
GTR NDTNN	22.07	Tỷ	
CP Tăng giá	133	CP	
CP Giảm giá	86	CP	
CP Đứng giá	160	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	637.85	4.04	0.64%
HNX30	175.92	2.57	1.49%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,076,859	14.9	3.0	19.6%	10.7%
HNX	142,579	14.6	1.8	9.2%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,219,438	15.8	3.5	20.5%	10.4%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,411	6.9	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	19,768	9.1	1.5	16.1%	10.9%
Thép và sản phẩm thép	38,091	16.1	2.1	20.4%	9.4%
Khai khoáng	12,315	67.5	5.7	0.1%	-0.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,375	16.7	1.5	11.0%	7.4%
Xây dựng	32,195	77.2	1.3	-2.2%	1.8%
Máy công nghiệp	8,660	9.2	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,900	8.6	1.4	18.8%	13.7%
Lốp xe	8,600	11.2	2.9	25.4%	10.9%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,742	11.6	1.8	17.5%	6.3%
Thực phẩm	196,640	24.0	4.2	20.7%	16.2%
Dược phẩm	15,185	11.0	2.8	22.6%	14.9%
Phần mềm	17,492	10.8	2.2	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	27,178	12.5	1.4	11.6%	6.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	213,204	17.4	5.7	33.1%	22.7%
Bảo hiểm nhân thọ	26,606	21.8	2.3	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	27,588	13.1	1.6	10.1%	7.4%
Ngân hàng	236,664	10.9	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	198,201	18.8	5.1	24.5%	5.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	48,837	11.0	2.2	22.5%	9.4%

Thông kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Ba Trưng
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Niềm tin tiêu dùng Việt Nam tiếp tục giảm trong tháng 10

CPI tháng 10 tại TP.HCM giảm

Vàng tăng trước kỳ vọng vào gói kích thích từ ECB

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

VNS: Lãi 9 tháng Công ty mẹ đạt gần 231 tỷ đồng, sắp hoàn thành kế hoạch năm

SBA: Lãi 9 tháng bằng 59% kế hoạch, nợ ngắn hạn gấp đôi tài sản ngắn hạn

HNM: Quý 3 lãi ròng nhưng vẫn chưa thoát lỗ lũy kế

► Tin kinh tế

Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam ANZ-Roy Morgan đã giảm nhẹ tháng thứ 2 liên tiếp xuống còn 134,7 điểm (giảm 0,3 điểm) trong tháng 10. Chỉ số niềm tin người tiêu dùng giảm nhẹ trong tháng này là do niềm tin của người tiêu dùng đối với tình hình kinh tế trong vòng 12 tháng tới giảm. Theo Chuyên gia của ANZ, hiệu ứng tài sản từ thị trường chứng khoán là một yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến niềm tin người tiêu dùng tại Việt Nam, và sự giảm sút của thị trường chứng khoán trong nước trong tháng qua đã có tác động rõ rệt đến niềm tin người tiêu dùng.

Cục Thống kê Tp.HCM vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2014 đã giảm 0,03% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 2,96% so với cùng tháng năm trước và tăng 2,38% so với tháng 12 năm trước. Trong tháng, có tới 5 nhóm hàng gồm những nhóm chiếm quyền số lớn giảm giá so với tháng trước là tác nhân chính khiến chỉ số chung giảm sau 5 tháng tăng liên tục. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhóm có quyền số lớn nhất đã giảm 0,08% trong đó lương thực giảm 0,01%, thực phẩm giảm 0,15% và ăn uống ngoài gia đình tiếp tục không đổi so với tháng trước. Trong số các nhóm hàng giảm giá còn lại phải kể đến hai nhóm là nhóm giao thông và nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng, điện, nước và chất đốt.

Giá vàng tăng cao trong ngày thứ Ba khi nhận được thông tin Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) có thể bơm thanh khoản thông qua việc mua vào trái phiếu doanh nghiệp.

Hợp đồng vàng giao tháng 12 trên bộ phận Comex của sàn Nymex tăng 7 USD/oz lên 1,251.70 USD/oz.

Hợp đồng vàng giao ngay chạm mức cao nhất kể từ ngày 10/09 tại 1,253.70 USD/oz vào đầu phiên trước khi rút ngắn đà tăng còn 0.4% lên 1,250.90 USD/oz.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Ánh Dương Việt Nam (HOSE: VNS) công bố BCTC công ty mẹ quý 3/2014 với doanh thu gần 958 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gần 80 tỷ đồng, tăng lần lượt gần 22% và hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý gia tăng một phần do trong quý 3, công ty mẹ đầu tư 242 xe mới đưa vào hoạt động kinh doanh và trong quý cũng tiến hành thanh lý 94 xe.

Với việc đầu tư thêm và thanh lý xe trong quý 3 đưa tổng số xe đầu tư mới trong 9 tháng đầu năm lên 1,010 xe và số xe thanh lý trong 9 tháng là 336 xe, tương ứng đạt 87% và 71% kế hoạch cả năm. Tổng doanh thu 9 tháng đầu năm đạt gần 2,697 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế ở mức gần 231 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch của công ty mẹ.

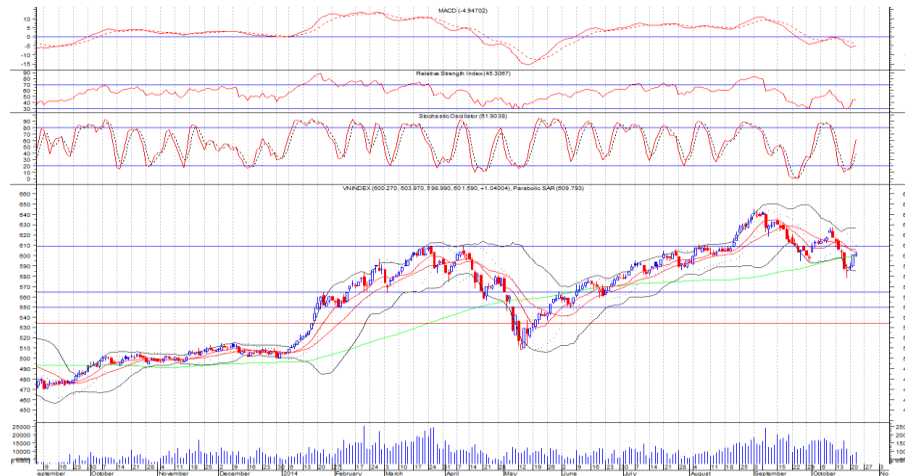
CTCP Sông Ba (HOSE: SBA) công bố BCTC quý 3/2014 với doanh thu thuần 67 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 26 tỷ đồng, tăng lần lượt gần 20% và 15.6% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần hơn 139.5 tỷ đồng, tăng gần 34% và lợi nhuận sau thuế gần 42 tỷ đồng, tăng hơn 3.3 lần so với 9 tháng đầu năm 2013. Với mức lợi nhuận này, SBA mới chỉ thực hiện được gần 59% kế hoạch lợi nhuận đề ra. Tính đến 30/09, tổng tài sản ngắn hạn của SBA gần 91.6 tỷ đồng, giảm 19%. Trong khi đó, nợ ngắn hạn cũng tăng thêm 23.7% lên hơn 204 tỷ đồng, con số này cũng gấp 2.2 lần tổng tài sản ngắn hạn. Điều này cho thấy khả năng thanh toán nhanh của SBA bị ảnh hưởng đáng kể.

Quý 3/2014, CTCP Sữa Hà Nội (HNX: HNM) ghi nhận lãi ròng gần 1.4 tỷ đồng. Các chi phí trong kỳ của HNM đều giảm so với cùng kỳ năm trước đã giúp Công ty ghi nhận lãi gần 1.4 tỷ đồng, tăng đáng kể so với quý 3/2014 là 580 triệu đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần HNM giảm 20% khi đạt gần 156 tỷ đồng; lãi thuần gần 5 tỷ đồng, tăng 170% so cùng kỳ năm trước. Nhưng do lỗ khác gần 3 tỷ đồng và phải chịu thuế nên HNM vẫn chưa thể thoát lỗ trong 9 tháng đầu năm.



HOSE 22/10/2014 VNINDEX 601.59 1.05 0.17% 101,804,136 CP 1,876.03 bil VND

Tăng điểm nhẹ cùng sự gia tăng của thanh khoản
 VN-Index tăng 1.04 điểm (+0.17%), đóng cửa tại mức 601,59 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, VN-Index vẫn duy trì trên mốc 600 điểm.
 - MACD dừng đà giảm và có dấu hiệu hồi phục, đây là tín hiệu rất tích cực, nó cho thấy xu hướng tăng điểm đang trở lại với VN-Index.
 - Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng mạnh.
 - RSI (14) tiếp tục gia tăng khá tích cực, đạt mốc 45.
 - VN-Index đang ở vùng hỗ trợ mạnh MA100.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.9%)	8,995,520
OGC	-0.2 (-1.6%)	6,453,070
SSI	1.1 (3.8%)	5,737,820
DLG	0.1 (0.8%)	4,506,750
KBC	0.6 (3.8%)	4,419,120

HOSE Top 5 theo % tăng

CYC	0.3 (7.0%)	9,910
TMS	2.6 (7.0%)	4,200
CCI	0.8 (7.0%)	2,020
VTF	1.6 (6.9%)	23,780
KSA	0.8 (6.8%)	1,303,840

HOSE Top 5 theo % giảm

FDC	-4.3 (-15.6%)	123,600
STG	-1.7 (-7.0%)	700
TDW	-1.6 (-6.8%)	70
RIC	-1.1 (-6.8%)	4,650
MDG	-0.4 (-6.3%)	80,180

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

DQC	8,0 tỷ	136,850
HSG	4,8 tỷ	95,160
MSN	3,7 tỷ	45,580
KBC	3,6 tỷ	231,000
CSM	3,6 tỷ	78,700

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VCB	-29,9 tỷ	1,055,120
GAS	-14,4 tỷ	134,460
PVD	-12,8 tỷ	143,490
VIC	-8,9 tỷ	182,770
STB	-6,9 tỷ	380,300

GD NDTNN KL Ròng GT Ròng (tỷ)

HOSE	1.884.450	33.78
------	-----------	-------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index không tăng mạnh như phiên hôm qua, nhưng đã tăng ở phiên hôm nay lại mở rộng hơn, dòng tiền gia tăng và phân hóa khá mạnh.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 97 triệu. Dù thanh khoản vẫn ở mức thấp, nhưng sự gia tăng dần qua các phiên sẽ là một tín hiệu rất tích cực.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 33 tỷ. Đây là phiên mua ròng sau 7 phiên bán ròng liên tiếp, một yếu tố rất tích cực hỗ trợ cho thị trường.
- ▶ VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục tích lũy ở vùng này, bởi ngưỡng 594 - 600 điểm tương đương với MA100 tỏ ra hỗ trợ rất tốt cho VN-Index trong GD vừa rồi.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua vào nếu thanh khoản gia tăng. Hạn chế sử dụng margin ở tỷ lệ cao ở vùng này bởi rủi ro khối ngoại bán ròng vẫn còn.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	108.0	204,660.00	17.9	5.9	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	107.0	107,012.69	17.5	4.8	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	26.7	71,156.04	15.5	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,430.0	48.0	68,637.96	14.4	2.6	27.6%	6.2%
MSN	735.8	80.0	58,864.65	-1,447.8	4.1	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.3	53,244.69	9.1	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.2	37,107.87	9.3	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	94.0	28,485.47	11.9	2.3	22.7%	10.7%
HPG	481.9	56.0	26,986.86	9.5	2.5	28.3%	12.8%
BVH	680.5	39.2	26,674.48	21.8	2.3	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

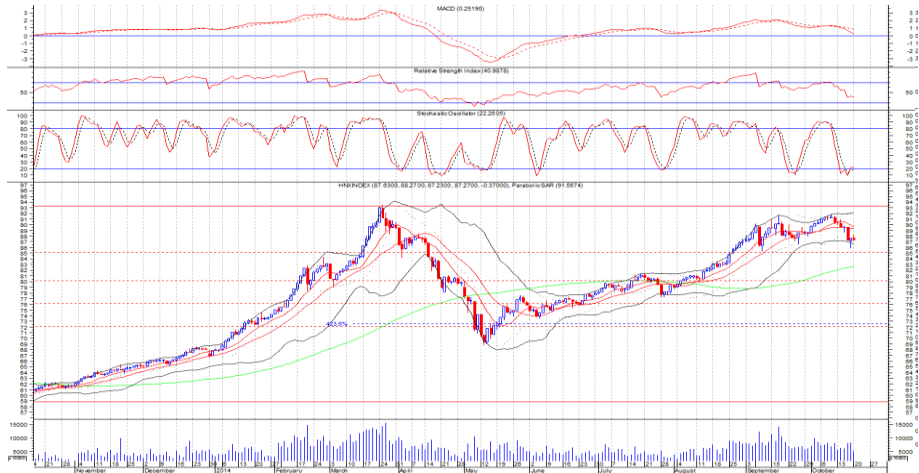
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.2	4,400.75	18.0	1.4	NA	TH.DOI
FPT	343.9	50.5	17,366.66	10.8	2.3	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.5	2,252.78	7.4	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.0	3,092.54	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.1	674.33	4.1	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.2	640.55	3.1	1.2	NA	TH.DOI

HNX 22/10/2014 HNX-Index 88.50 1.51 1.73% 65,361,703 CP 859.08 bil. VND

HNX-Index vẫn đang giao dịch cân bằng tại vùng điểm này

Chỉ số HNX-Index tăng 1.51 điểm (+1.73%), đóng cửa tại mốc 88.50 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến dài, HNX-Index tăng tích cực từ đầu đến cuối phiên và đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng rất tốt phiên hôm nay.
- MACD vẫn tiếp tục sụt giảm và có dấu hiệu cắt đường zero - base, đây là tín hiệu khá tiêu cực.
- RSI (14) tăng mạnh trở lại mốc 49.
- Việc chỉ số HNX-Index hồi phục trở lại phiên hôm nay là một tín hiệu rất tích cực.



HNX Top 5 theo KLGĐ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')
KLF	0.4 (3.5%)	11,077,390
PVX	0.2 (3.4%)	6,972,280
FIT	0.6 (2.3%)	3,481,140
SCR	0.4 (4.1%)	3,147,340
SHS	0.4 (3.5%)	2,761,240

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá (000')
HDA	1 (10.0%)	200
IDV	5.6 (10.0%)	26,540
L14	1 (9.9%)	31,000
API	1.5 (9.7%)	709,430
CAN	2.2 (9.7%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá (000')
BXH	-1.2 (-10.0%)	200
CTA	-0.5 (-10.0%)	107,400
DNP	-2.3 (-9.7%)	18,300
CTC	-0.7 (-9.7%)	2,000
VMI	-2.2 (-9.6%)	465,900

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá (000')	SLCPLH (triệu)
PVS	15,0 tỷ	362,500
VND	4,8 tỷ	300,000
IVS	2,4 tỷ	213,400
PVX	0,6 tỷ	104,000
NDN	0,5 tỷ	28,900

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá (000')	SLCPLH (triệu)
SHB	-1,1 tỷ	129,400
VCG	-0,8 tỷ	59,000
SED	-0,4 tỷ	22,000
PMC	-0,4 tỷ	7,500
BVS	-0,3 tỷ	20,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	906,300	22.07

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index tăng điểm khá tích cực từ đầu phiên nhờ tác động tích cực của nhóm cổ phiếu dầu khí, đà tăng lan rộng và đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.
- ▶ KLGĐ gia tăng mạnh và đạt 55 triệu. Dù khối lượng vẫn ở mức thấp nhưng việc thanh khoản gia tăng qua từng phiên là một tín hiệu rất tích cực cho thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 22 tỷ. Lượng mua tập trung nhiều ở các mã PVS, VND, trong khi bán nhiều ở SHB, VCG
- ▶ HNX-Index vẫn nằm trong kênh giá tăng điểm duy trì từ tháng 5/2014. Hiện tại vùng hỗ trợ 87 điểm vẫn phát huy rất tốt vai trò đối với chỉ số này.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua vào nếu thanh khoản gia tăng. Hạn chế sử dụng margin ở tỷ lệ cao ở vùng này bởi rủi ro khối ngoại bán ròng vẫn còn.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	42.1	18,806.09	10.1	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	20.4	1.2	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.6	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.1	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	12.9	5,698.07	9.7	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	83.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.3	4,120.39	14.1	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	21.5	2,818.13	8.9	0.9	12.7%	5.7%
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.0	2.0	22.9%	15.2%
LAS	77.8	31.6	2,459.49	6.3	1.6	27.5%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.1	1,333.80	8.1	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.7	621.72	6.5	0.6	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.3	1,629.98	12.0	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	31.7	1,585.00	9.1	1.7	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.0	338.62	8.1	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	68,637.96	15.75%	48.0	14.41	2.59	2,193,876	2,602,183	2,021,751
HPG	HOSE	481.9	26,986.86	13.53%	56.0	9.47	2.50	891,794	706,996	846,364
PVD	HOSE	303.0	28,485.47	11.69%	94.0	11.88	2.28	804,864	609,678	545,871
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	11.42%	80.0	#####	4.12	251,495	182,037	268,863
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	8.11%	25.3	10.41	1.35	3,787,470	4,642,907	3,611,971
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	6.47%	18.3	7.58	1.33	374,428	427,503	403,783
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	5.75%	26.7	15.47	1.39	236,201	492,916	481,642
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	4.79%	29.8	8.85	1.25	535,230	562,307	1,153,159
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.96%	8.8	66.65	0.79	6,015,292	7,482,064	7,475,831
KBC	HOSE	389.8	6,431.04	2.57%	16.5	27.13	1.24	5,242,692	5,869,407	3,634,771
BVH	HOSE	680.5	26,674.48	2.30%	39.2	21.77	2.28	216,456	263,425	232,573
HSG	HOSE	96.3	4,815.65	2.06%	50.0	15.05	2.17	727,995	560,829	314,475
GMD	HOSE	116.1	4,029.99	1.83%	34.7	7.82	0.82	678,208	955,112	717,968
PPC	HOSE	318.2	7,699.34	1.68%	24.2	15.35	1.53	346,635	390,130	681,992
HVG	HOSE	132.0	4,131.59	1.56%	31.3	33.27	1.53	2,261,192	2,073,271	1,686,569
CSM	HOSE	67.3	3,061.79	1.50%	45.5	8.73	2.39	201,046	218,893	265,903
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.48%	17.2	18.03	1.35	2,219,926	2,251,390	2,295,397
DRC	HOSE	83.1	4,901.36	1.48%	59.0	14.18	3.42	157,742	149,928	199,123
VSH	HOSE	206.2	2,969.87	1.31%	14.4	13.87	1.08	443,384	460,684	689,613
DIG	HOSE	178.7	2,538.16	1.01%	14.2	68.12	0.84	1,434,446	1,607,303	828,870
OGC	HOSE	300.0	3,600.00	0.76%	12.0	45.03	1.16	3,673,612	4,577,495	3,414,367

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	68,637.96	8.28%	48.0	14.41	2.59	2,193,876	2,602,183	2,021,751
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	8.09%	80.0	#####	4.12	251,495	182,037	268,863
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	6.66%	26.7	15.47	1.39	236,201	492,916	481,642
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	6.34%	18.3	7.58	1.33	374,428	427,503	403,783
PVS	HNX	446.7	18,806.09	5.45%	42.1	10.10	2.15	3,373,963	3,526,196	3,928,701
BVH	HOSE	680.5	26,674.48	4.54%	39.2	21.77	2.28	216,456	263,425	232,573
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	4.18%	29.8	8.85	1.25	535,230	562,307	1,153,159
PVD	HOSE	303.0	28,485.47	4.04%	94.0	11.88	2.28	804,864	609,678	545,871
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	3.68%	25.3	10.41	1.35	3,787,470	4,642,907	3,611,971
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.96%	8.8	66.65	0.79	6,015,292	7,482,064	7,475,831
PPC	HOSE	318.2	7,699.34	2.75%	24.2	15.35	1.53	346,635	390,130	681,992
FLC	HOSE	314.9	3,526.81	2.56%	11.2	8.24	0.81	9,984,582	11,977,093	15,914,907
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.53%	8.8	9.12	0.73	6,259,889	5,216,999	4,840,847
VCG	HNX	441.7	5,698.07	2.03%	12.9	9.73	1.00	1,380,450	1,592,208	1,319,229
OGC	HOSE	300.0	3,600.00	1.69%	12.0	45.03	1.16	3,673,612	4,577,495	3,414,367
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.61%	17.2	18.03	1.35	2,219,926	2,251,390	2,295,397
DRC	HOSE	83.1	4,901.36	0.95%	59.0	14.18	3.42	157,742	149,928	199,123
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.62%	13.6	22.04	1.26	589,824	698,520	1,899,051
PVX	HNX	400.0	2,440.00	0.00%	6.1	- 1.90	3.18	8,829,305	9,666,810	9,658,322

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,430.0	68,637.96	0.00%	48.0	14.41	2.59	2,193,876	2,602,183	2,021,751
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	0.00%	80.0	#####	4.12	251,495	182,037	268,863
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	0.00%	29.8	8.85	1.25	535,230	562,307	1,153,159
HAG	HOSE	789.9	19,984.45	0.00%	25.3	10.41	1.35	3,787,470	4,642,907	3,611,971
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	0.00%	26.7	15.47	1.39	236,201	492,916	481,642
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.00%	18.3	7.58	1.33	374,428	427,503	403,783
BVH	HOSE	680.5	26,674.48	0.00%	39.2	21.77	2.28	216,456	263,425	232,573
CTG	HOSE	3,723.4	53,244.69	0.00%	14.3	9.13	1.00	275,931	302,994	349,347
GAS	HOSE	1,895.0	204,660.00	0.00%	108.0	17.85	5.85	670,664	576,439	412,502

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	0.88%	80.0	#####	4.12	251,495	182,037	268,863
VIC	HOSE	1,430.0	68,637.96	0.56%	48.0	14.41	2.59	2,193,876	2,602,183	2,021,751
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.31%	18.3	7.58	1.33	374,428	427,503	403,783
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	0.24%	26.7	15.47	1.39	236,201	492,916	481,642
DPM	HOSE	379.9	11,322.04	0.15%	29.8	8.85	1.25	535,230	562,307	1,153,159
BVH	HOSE	680.5	26,674.48	0.08%	39.2	21.77	2.28	216,456	263,425	232,573

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**



22 October 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,411	6.9	0.9	13.3%	8.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,768	9.1	1.5	16.1%	10.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,885	27.5	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	871	7.5	0.9	12.7%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,091	16.1	2.1	20.4%	9.4%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,918	3.7	1.0	22.0%	5.3%
Khai khoáng	12,315	67.5	5.7	0.1%	-0.2%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,375	16.7	1.5	11.0%	7.4%
Xây dựng	32,195	77.2	1.3	-2.2%	1.8%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,184	10.1	1.2	15.4%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,322	8.7	1.4	16.5%	12.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,396	7.0	1.0	13.2%	5.9%
Thiết bị điện	2,166	30.9	0.9	2.6%	0.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	47	15.4	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,660	9.2	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,557	3.3	1.1	4.2%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,900	8.6	1.4	18.8%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,186	7.8	1.5	19.1%	11.8%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,822	11.7	1.5	16.8%	8.1%
Đào tạo & Việc làm	261	10.9	0.8	8.2%	2.9%
Nhà cung cấp thiết bị	182	7.9	0.8	11.2%	4.6%
Chất thải & Môi trường	183	2.8	0.8	34.1%	16.2%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,109	16.5	1.2	11.6%	5.7%
Lốp xe	8,600	11.2	2.9	25.4%	10.9%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,600	7.7	1.3	16.6%	9.0%
Vang & Rượu mạnh	335	14.9	2.3	17.1%	10.8%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,742	11.6	1.8	17.5%	6.3%
Thực phẩm	196,640	24.0	4.2	20.7%	16.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	74	20.9	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,679	9.2	1.5	14.9%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	595	37.6	1.5	4.1%	2.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,526	9.0	1.7	18.7%	7.2%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,980	11.3	2.0	17.7%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	716	8.3	1.1	0.6%	4.0%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,081	17.6	1.0	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.9	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	197	9.0	1.2	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,185	11.0	2.8	22.6%	14.9%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	258	48.5	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	727	11.2	1.2	13.1%	7.8%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,956	10.4	1.8	18.4%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,112	10.5	1.0	9.5%	6.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,637	72.3	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,666	20.2	1.3	10.7%	9.1%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,859	21.9	3.6	23.0%	19.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	755	18.1	1.0	5.6%	2.0%
Internet	326	68.8	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,492	10.8	2.2	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	504	16.6	0.8	4.5%	1.7%
Thiết bị văn phòng	295	5.0	1.0	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,884	36.0	5.1	34.5%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	27,178	12.5	1.4	11.6%	6.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	213,204	17.4	5.7	33.1%	22.7%
Nước	1,260	6.7	1.1	17.0%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,387	8.0	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,760	12.1	0.7	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,805	8.9	0.9	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,606	21.8	2.3	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,860	46.6	1.2	2.7%	0.8%
Môi giới chứng khoán	27,588	13.1	1.6	10.1%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	236,664	10.9	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	198,201	18.8	5.1	24.5%	5.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	11	2.8	0.8	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	48,837	11.0	2.2	22.5%	9.4%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.